TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2024/HNGĐ
Ngày 05/7//2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính – Ông Bùi Văn Nghiệp.

Thư ký toà án ghi biên bản: Bà Bùi Thị Nhi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương – Kiểm sát viên

Ngày 05/7/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc: Ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Phố M, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 08/4/1998 tại Ủ thị trấn Nông Trường T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND thị trấn B, huyện L, tỉnh Hòa Bình) trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn hai vợ

chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T được khoảng một năm, sau đó hai vợ chồng ra ở riêng tại phố M, xã M, huyện K.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên sảy mâu thuẫn cãi vã nhau, không tin tưởng nhau. Năm 2019 chị H bỏ đi làm ăn ở đâu không nói cho anh T biết địa chỉ, anh T có lên nhà bố mẹ đẻ chị H nhờ gia đình khuyên giải cho chị H quay về nhưng chị H vẫn không về nhà. Anh có gọi điện thoại cho chị H để nói chuyện, hòa giải nhưng chị H không nghe máy. Năm 2021 anh T đã nộp đơn ra Tòa án huyện Kim B xin ly hôn chị H một lần, khi đó chị H có đến Tòa án làm việc và đồng ý ly hôn với anh T, nhưng lúc đó hai bên chưa thỏa thuận được phần tài sản chung, Tòa án có làm thông báo cho anh T phải nộp tiền chi phí định giá tài sản để tòa án giải quyết phần tài sản chung, nhưng khi đó anh T đang khó khăn, phải trả hết nợ ngân hàng nên không có tiền nộp chi phí định giá, vì vậy Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Đến nay vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh T xin được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Có 02 con là Đỗ Thị Mai H1, sinh ngày 25/7/1998 đã lấy chồng ra ở riêng. Cháu Đỗ Thị H2, sinh ngày 23/05/2002 hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công sức đóng góp chung anh T đề nghị hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung không có.

Bị đơn chị Bùi Thị H đã được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi chị H và anh T sinh sống thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau.

Ông Đỗ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 là bố mẹ đẻ của anh T cho biết vợ chồng sảy ra mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, dẫn đến cãi vã nhau.

Xác minh tại Công an xã M, huyện K được biết hiện chị Bùi Thị H không có mặt tại địa phương, chưa thay đổi nơi thường trú, chưa khai báo tạm vắng, chưa đăng

ký tạm trú tại địa phương nào.

Đại diện Viện Kiểm S phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Bùi Thị H. Về con chung có 02 con Đỗ Thị Mai H1, sinh ngày 25/7/1998, Đỗ Thị H2, sinh ngày 23/05/2002 hiện đã trưởng thành không đề cập giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung không có. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị H có hộ khẩu tại phố M, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình, căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án làm việc. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật, đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kim Bôi nghiên cứu tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 14/6/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử, đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo phiên tòa cho chị H nhưng tại phiên tòa chị H không có mặt nên hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 05/7/2024. Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và thông báo phiên tòa cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án :

Anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 08/4/1998 tại Ủ thị trấn Nông Trường T, huyện K, tỉnh Hòa Bình, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên sảy mâu thuẫn cãi vã, không tin tưởng nhau. Từ năm 2019 chị H bỏ đi làm ăn ở đâu không nói cho anh T biết địa chỉ, thỉnh thoảng có về thăm gia đình sau đó lại đi luôn, không quan tâm đến nhau. Năm 2021 anh T đã nộp đơn ra Tòa án huyện Kim B xin ly hôn chị H một lần, khi đó chị H có đến Tòa án làm việc và đồng ý ly hôn với anh T, nhưng lúc đó hai bên chưa thỏa thuận được phần tài sản chung, Tòa án có làm thông báo cho anh T nộp tiền chi phí định giá tài sản để tòa án giải quyết phần tài sản chung, nhưng khi đó anh T đang khó khăn, phải trả hết nợ ngân hàng nên không có tiền nộp chi phí định giá, vì vậy Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Từ đó đến nay chị H cũng không về chung sống, không quan tâm anh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn T, xử cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Bùi Thị H là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con Đỗ Thị Mai H1, sinh ngày 25/7/1998; Đỗ Thị H2, sinh ngày 23/05/2002 hiện đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công sức đóng góp chung anh T đề nghị hai bên tự thỏa

thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung không có.

[3]. Về án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn T xin ly hôn chị Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn T được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Xác nhận anh Bùi Văn T3 và chị Bùi Thị H có 02 con chung là Đỗ Thị Mai H1, sinh ngày 25/7/1998 và Đỗ Thị H2, sinh ngày 23/05/2002.

3. Về tài sản chung và công sức đóng góp chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Công nợ chung: Không có.

5. Án phí: Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003130 ngày 07/12/2023 của Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh HB*
- *VKSND huyện Kim Bôi*
- *Chi cục THADS huyện Kim Bôi*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thanh Nga